NGHIÊN CỨU VÀ VẬN DỤNG CÁC MÔ HÌNH HỢP TÁC TIÊN TIẾN GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ DOANH NGHIỆP VÀO THỰC TIỄN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CỦA VIỆT NAM

RESEARCH AND APPLICATION OF ADVANCED COOPERATION MODELS BETWEEN SCHOOLS AND ENTERPRISES IN VIETNAM'S VOCATIONAL EDUCATION PRACTICE

ĐỖ NGÂN HƯƠNG(*) và LƯƠNG ĐỖ KHÁNH LINH(**)

THÔNG TIN

Ngày nhận bài: 07-7-2024
Ngày biên tập xong: 19-8-2024
Ngày duyệt đăng: 31-9-2024
Mã số: TCKH47-06-2024
ISSN: 2525 – 2429

TÓM TẮT

Trong thế giới ngày nay, sự toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp 4.0 đang tạo ra một môi trường kinh tế toàn cầu kết nối chặt chẽ, đòi hỏi việc cạnh tranh mạnh mẽ trong thu hút đầu tư, công nghệ và lao động có trình độ cao. Vai trò của mối quan hệ hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp ngày càng quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển lực lượng lao động và thúc đẩy sự đổi mới kinh tế. Giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Việc nâng cao chất lượng đào tạo thông qua hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp là cần thiết để đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường lao động trong Cách mạng công nghiệp 4.0. Thông qua nghiên cứu này, tác giả đề xuất các giải pháp và khuyến nghị nhằm áp dụng những mô hình hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp vào thực tiễn giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam.

Từ khóa: *doanh nghiệp; mối quan hệ hợp tác; nhà trường; phát triển bền vững.*

Key words: *enterprises; cooperation relationship; schools; sustainable development.*

ABSTRACT: *In today's world, globalization and the Fourth Industrial Revolution 4.0 are creating a closely interconnected global economic environment, demanding strong competition in attracting investment, technology, and skilled labor. The role of cooperation between schools and businesses is becoming increasingly important to enhance the quality of education, develop the workforce, and drive economic innovation. However, vocational education in Vietnam still faces many challenges. Improving training quality through close cooperation with businesses is essential to meet the increasingly stringent demands of the labor market in the Fourth Industrial Revolution 4.0. Through this study, the author proposes solutions and recommendations for applying cooperative models between schools and businesses to vocational education in Vietnam.*

(*) TS. Trường Đại học Công đoàn Việt Nam, *huongdn@dhcd.edu.vn*
(**) CN. Đại học Quốc gia Hà Nội

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thế giới ngày nay, quá trình toàn cầu hóa đã tạo ra một môi trường kinh tế toàn cầu kết nối chặt chẽ, các quốc gia và khu vực không chỉ chia sẻ tài nguyên mà còn phải cạnh tranh mạnh mẽ trong việc thu hút đầu tư, công nghệ và lao động có trình độ cao. Điều này làm nảy sinh nhu cầu cấp bách về lực lượng lao động có kỹ năng, năng lực và sự hiểu biết sâu sắc về thị trường quốc tế. Song song với điều này, Cách mạng công nghiệp 4.0, với sự hội tụ của các công nghệ số, sinh học và vật lý, đang thay đổi toàn diện cách chúng ta sống, làm việc và tương tác. Công nghệ như Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), học máy (Machine Learning), in 3D và tự động hóa đang gây ra những biến đổi đáng kể trong nhiều ngành công nghiệp và đặt ra yêu cầu mới về kỹ năng và kiến thức cho lực lượng lao động. Trước bối cảnh này, vai trò ngày càng quan trọng của mối quan hệ hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp đã được nhấn mạnh. Hợp tác này không chỉ giúp nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển lực lượng lao động, góp phần vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế - xã hội. Môi trường hợp tác chặt chẽ giữa hai bên cho phép họ nhanh chóng thích ứng với thị trường lao động và nhu cầu xã hội, cũng như thúc đẩy sự đổi mới và phát triển kinh tế.

Điều quan trọng là tình hình giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam vẫn còn nhiều thách thức, bao gồm chất lượng đào tạo không đồng đều và thiếu hụt trang thiết bị hiện đại. Để đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường lao động trong Cách mạng công nghiệp 4.0, việc nâng cao chất lượng đào tạo thông qua hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp là điều cần thiết. Bằng cách này, nhà trường có thể cập nhật chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng giảng dạy và trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực tiễn cần thiết. Thông qua bài viết này, chúng tôi đã khám phá và đánh giá các mô hình hợp tác tiên tiến giữa nhà trường và doanh nghiệp trên thế giới. Tác giả cũng xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của các mô hình này và đề xuất các giải pháp và khuyến nghị nhằm vận dụng những mô hình hợp tác này vào thực tiễn giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái niệm

Sự hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp được gọi là Hợp tác Đại học - Doanh nghiệp (UBC) theo nghiên cứu của Gibb & Hannon [21, tr.259-280], là một nỗ lực tương hỗ nhằm mang lại lợi ích cho cả hai bên. Hợp tác này giúp trường đại học giải quyết các vấn đề tài chính trong khi hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh, góp phần vào sự phát triển kinh tế quốc gia và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. UBC có thể được định nghĩa là tất cả các hình thức tương tác trực tiếp hoặc gián tiếp, cá nhân hoặc tổ chức, giữa trường đại học và doanh nghiệp nhằm hỗ trợ lẫn nhau. Các hoạt động này bao gồm hợp tác nghiên cứu và phát triển, khuyến khích sự trao đổi năng động giữa giảng viên, sinh viên và chuyên gia từ doanh nghiệp, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức học tập suốt đời, và hỗ trợ các nỗ lực khởi nghiệp và quản trị tổ chức [10, tr.1-10]. Trường học và doanh nghiệp trở thành đối tác ngang hàng, cùng hợp tác để đạt mục tiêu chung, mang lại lợi ích cho cả hai bên và cho xã hội [8, tr.134-148].

Theo Tổng cục dạy nghề [12], mối quan hệ hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp là sự kết hợp chặt chẽ, lâu dài và có tổ chức giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các tổ chức kinh doanh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Hợp tác này có thể bao gồm các hoạt động như chương trình thực tập, liên kết đào tạo, dự án nghiên cứu và phát triển, cũng như các hoạt động giao lưu và tư vấn.

Theo Điều 3, Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH, *Quy định về liên kết tổ chức thực*

hiện chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp, ngày 5-4-2022 của Bộ Lao động - Thương binh, xã hội [4].

2.2. Lợi ích của hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp

Hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp mang lại một loạt các lợi ích đối với cả hai bên [10, tr.1-10]; [78, tr.134-148], bao gồm:

Nâng cao chất lượng giáo dục: Hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp giúp đảm bảo rằng chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu thực tế của thị trường lao động. Giúp sinh viên có thể áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn và phát triển kỹ năng chuyên môn từ giai đoạn học tập.

Tạo cơ hội thực tập và đào tạo: Các doanh nghiệp cung cấp các cơ hội thực tập, đào tạo tại chỗ và dự án thực tế cho sinh viên. Điều này giúp họ phát triển kỹ năng mềm và chuyên môn, cũng như làm quen với môi trường làm việc thực tế.

Phát triển kinh tế - xã hội: Mối quan hệ hợp tác này không chỉ nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Khi nhà trường và doanh nghiệp hợp tác chặt chẽ, họ có thể nhanh chóng thích ứng với thị trường lao động và nhu cầu xã hội, đồng thời thúc đẩy sự đổi mới và phát triển kinh tế.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Một số mô hình hợp tác tiên tiến

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã thực hiện một tổng quan về các mô hình hợp tác tiên tiến giữa nhà trường và doanh nghiệp. Dưới đây là mô tả và đánh giá về một số mô hình phổ biến, kèm theo minh họa.

1) Mô hình thực tập và học việc

Mô tả: Mô hình này cung cấp cơ hội cho sinh viên tham gia thực tập và học việc tại các doanh nghiệp trong quá trình học tập. Sinh viên được trải nghiệm công việc thực tế, áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực hành.

Đánh giá: Giúp sinh viên tích lũy kinh nghiệm thực tế, cải thiện kỹ năng chuyên môn và mở rộng mạng lưới quan hệ. Tuy nhiên, đòi hỏi sự cam kết từ phía doanh nghiệp trong việc đào tạo và hỗ trợ sinh viên.

Minh họa: Chương trình thực tập tại tập đoàn FPT, nơi sinh viên công nghệ thông tin có cơ hội làm việc thực tế trong các dự án phần mềm [2, tr.55-62].

2) Mô hình nghiên cứu và phát triển (R&D)

Mô tả: Nhà trường và doanh nghiệp hợp tác thực hiện các dự án nghiên cứu và phát triển. Các dự án này có thể là nghiên cứu khoa học, phát triển sản phẩm mới hoặc cải tiến quy trình sản xuất.

Đánh giá: Mô hình này khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới, giúp nâng cao chất lượng nghiên cứu và ứng dụng vào thực tế. Yêu cầu nguồn lực đáng kể và sự hợp tác chặt chẽ giữa hai bên.

Minh họa: Trung tâm R&D của Đại học Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh hợp tác với VinFast để phát triển các công nghệ xe điện mới [3, tr.70-78].

3) Mô hình giáo dục đồng bộ (Dual Education)

Mô tả: Mô hình này kết hợp giữa học lý thuyết tại nhà trường và học thực hành tại doanh nghiệp. Sinh viên chia thời gian học tập giữa lớp học và doanh nghiệp, giúp họ có cái nhìn toàn diện và thực tế hơn về ngành nghề.

Đánh giá: Tăng cường sự kết nối giữa lý thuyết và thực hành, giúp sinh viên nhanh chóng thích nghi với môi trường làm việc. Cần có sự phối hợp nhịp nhàng giữa lịch học và thời gian làm việc tại doanh nghiệp.

Minh họa: Chương trình đào tạo nghề kép tại Đức, nơi sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành tại các công ty như Siemens và Bosch [5].

4) Mô hình hợp tác đào tạo ngắn hạn

Mô tả: Doanh nghiệp hợp tác với nhà trường để tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn, tập huấn chuyên sâu về một số kỹ năng hoặc lĩnh vực cụ thể. Các khóa học này có thể dành cho sinh viên hoặc nhân viên của doanh nghiệp.

Đánh giá: Giúp nâng cao kỹ năng và kiến thức chuyên môn trong thời gian ngắn, đáp ứng nhu cầu cấp bách của doanh nghiệp. Hiệu quả

của mô hình này phụ thuộc vào chất lượng và nội dung của các khóa đào tạo.

Minh họa: Khóa đào tạo ngắn hạn về an ninh mạng do Học viện Kỹ thuật Mật mã phối hợp với VNPT tổ chức [6, tr.40-45].

5) Mô hình chuyển giao công nghệ

Mô tả: Nhà trường và doanh nghiệp hợp tác trong việc chuyển giao công nghệ mới hoặc kết quả nghiên cứu từ nhà trường đến doanh nghiệp. Điều này bao gồm cả việc đào tạo nhân viên doanh nghiệp về công nghệ mới [17, tr.259-280].

Đánh giá: Thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ và kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh, tăng cường sự liên kết giữa học thuật và thực tiễn. Đòi hỏi sự đầu tư lớn và khả năng thích ứng của doanh nghiệp với công nghệ mới.

Minh họa: Đại học Quốc gia Hà Nội chuyển giao công nghệ xử lý nước thải cho Công ty Môi trường Đô thị Hà Nội [7, tr.30-37].

Như vậy: Các mô hình hợp tác tiên tiến giữa nhà trường và doanh nghiệp mang lại nhiều lợi ích cho cả hai bên, giúp nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Tuy nhiên, để mô hình hợp tác thành công, cần có sự cam kết và hỗ trợ chặt chẽ từ cả nhà trường và doanh nghiệp. Mỗi mô hình có những ưu điểm và thách thức riêng, do đó, sự lựa chọn mô hình phù hợp sẽ tùy thuộc vào mục tiêu và điều kiện cụ thể của từng bên.

2.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của các mô hình hợp tác

1) Cam kết từ phía nhà trường và doanh nghiệp: Sự cam kết mạnh mẽ từ cả hai bên là yếu tố quyết định đến sự thành công của mối quan hệ hợp tác. Sự cam kết này phản ánh sự sẵn lòng và ý chí của cả hai bên trong việc hỗ trợ và phát triển cho nhau. Trong nghiên cứu của Gulbrandsen và Thune, sự cam kết chặt chẽ từ cả nhà trường và doanh nghiệp được nhấn mạnh là yếu tố then chốt trong việc thành công của các mối quan hệ hợp tác. Điều này được thể hiện qua việc cung cấp tài nguyên, hỗ trợ về cơ sở hạ tầng và hỗ trợ tài chính [20, tr.185-205].

2) Sự tương thích về mục tiêu và lợi ích: Để hợp tác hiệu quả, nhà trường và doanh nghiệp cần có sự tương thích về mục tiêu và lợi ích. Hai bên đề xuất, mong đợi các kết quả khớp nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho việc làm việc chung. Theo Jones và Bonython, sự phù hợp về mục tiêu và lợi ích giữa các bên là yếu tố quyết định cho sự thành công của các dự án hợp tác. Sự hiểu biết chung về các mục tiêu dài hạn và lợi ích ngắn hạn sẽ giúp tăng cường sự hợp tác và đồng thuận [19].

3) Chất lượng quản lý và điều phối: Chất lượng quản lý và điều phối là yếu tố then chốt trong việc duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác. Việc có các quản lý chuyên nghiệp và có kỹ năng trong việc điều phối giữa hai bên giúp đảm bảo các hoạt động hợp tác diễn ra một cách hiệu quả và hài hòa. Trong nghiên cứu của O'Shea, Chugh và Allen, sự quản lý chuyên nghiệp và hiệu quả được đề xuất là một yếu tố then chốt trong việc thành công của các dự án hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp. Các quản lý có kỹ năng trong việc điều phối và giải quyết xung đột có thể giúp duy trì sự hợp tác hiệu quả [16, tr.653-666].

4) Văn hóa tổ chức và giao tiếp: Sự phù hợp về văn hóa tổ chức và giao tiếp giữa nhà trường và doanh nghiệp là quan trọng để xây dựng một môi trường làm việc tích cực và hỗ trợ sự hợp tác một cách hiệu quả. Theo Anderson và Mathews, văn hóa tổ chức được xác định là yếu tố quyết định đến thành công của mối quan hệ hợp tác. Sự hiểu biết và tôn trọng văn hóa tổ chức của đối tác có thể giúp tạo ra một môi trường làm việc tích cực và thúc đẩy sự hợp tác [13, tr.529-540].

5) Sự hỗ trợ từ chính sách và pháp luật: Chính sách và pháp luật có vai trò quan trọng trong việc khuyến khích và hỗ trợ cho hoạt động hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp. Sự hỗ trợ này có thể bao gồm các chính sách khuyến khích hợp tác, cơ chế hỗ trợ tài chính, và quy định pháp lý rõ ràng. Theo Wilson, sự

hỗ trợ từ chính sách và pháp luật là yếu tố quan trọng giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển mối quan hệ hợp tác. Các chính sách khuyến khích hợp tác và cơ chế hỗ trợ tài chính từ phía chính phủ có thể giúp thúc đẩy sự hợp tác giữa hai bên [22].

6) Nguồn lực tài chính và kỹ thuật: Sự hỗ trợ từ các nguồn lực tài chính và kỹ thuật là quan trọng để thúc đẩy và duy trì hoạt động hợp tác. Cả hai bên cần có sự đầu tư đúng đắn và đầy đủ từ các nguồn lực này để đảm bảo sự thành công của mối quan hệ hợp tác. Theo Etzkowitz và Leydesdorff, các nhà nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của nguồn lực tài chính và kỹ thuật trong việc phát triển mối quan hệ hợp tác. Việc đầu tư đúng đắn vào các nguồn lực này có thể giúp tạo ra sản phẩm và dịch vụ mới, từ đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội [15, tr.109-123].

2.3.3. So sánh hiệu quả giữa các mô hình hợp tác

So sánh hiệu quả của các mô hình hợp tác khác nhau và đánh giá sự phù hợp của từng mô hình với các loại hình tổ chức và lĩnh vực cụ thể.

1) So sánh hiệu quả của các mô hình hợp tác trong giáo dục và doanh nghiệp

Bảng 1. So sánh hiệu quả của các mô hình hợp tác trong giáo dục và doanh nghiệp

Mô hình	Hiệu quả
Mô hình thực tập và học việc	Cung cấp kinh nghiệm thực tế cho sinh viên và tạo cơ hội tuyển dụng sau khi tốt nghiệp
Mô hình chuyển giao công nghệ	Tạo ra sản phẩm và dịch vụ mới cũng như tăng cường khả năng cạnh tranh
Mô hình giáo dục đồng bộ	Tạo ra nguồn nhân lực có kỹ năng cao và đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động một cách hiệu quả
Mô hình hợp tác đào tạo ngắn hạn	Linh hoạt và nhanh chóng, nhưng thường gặp khó khăn trong việc đảm bảo sự ổn định và liên tục trong hợp tác
Mô hình nghiên cứu và phát triển (R&D)	Đóng góp lớn nhất cho sự đổi mới và phát triển, tuy nhiên đòi hỏi sự đầu tư lớn và yêu cầu sự hợp tác chặt chẽ cũng như cam kết lâu dài

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Bảng tổng hợp, so sánh các mô hình hợp tác dựa trên hiệu quả và các nguồn tài liệu tham khảo.

2) Đánh giá sự phù hợp của từng mô hình hợp tác

Với các loại hình tổ chức và lĩnh vực cụ thể là một phần quan trọng giúp xác định mức độ áp dụng và hiệu quả của mỗi mô hình trong từng ngữ cảnh cụ thể.

Dưới đây là một số đánh giá sự phù hợp của các mô hình hợp tác với các loại hình tổ chức và lĩnh vực cụ thể:

Bảng 2. Đánh giá sự phù hợp của các mô hình hợp tác với các loại hình tổ chức và lĩnh vực

Mô hình	Phù hợp với	Lĩnh vực
Mô hình thực tập và học việc	Trường đại học, cao đẳng, tổ chức giáo dục chuyên nghiệp	Kỹ thuật, công nghệ, y tế, quản trị kinh doanh
Mô hình chuyển giao công nghệ	Tổ chức nghiên cứu, viện nghiên cứu, doanh nghiệp	Sản xuất, phát triển sản phẩm
Mô hình giáo dục đồng bộ (Dual Education)	Trường đại học, trung học chuyên nghiệp	Kỹ thuật, sản xuất, vận tải, dịch vụ
Mô hình hợp tác đào tạo ngắn hạn	Doanh nghiệp, tổ chức đào tạo	IT, marketing, quản lý dự án, ngôn ngữ học
Mô hình nghiên cứu và phát triển (R&D)	Tổ chức nghiên cứu, viện nghiên cứu, doanh nghiệp	Nghiên cứu, phát triển sản phẩm/công nghệ

Nguồn: Tác giả tổng hợp và đề xuất

Bảng tổng hợp thông tin và so sánh các mô hình hợp tác trong giáo dục và doanh nghiệp dựa trên sự phù hợp, lĩnh vực áp dụng.

2.4. Thảo luận

2.4.1. Phân tích về các mô hình hợp tác tiên tiến

Trong phần này, chúng ta sẽ phân tích chi tiết về khả năng áp dụng các mô hình hợp tác tiên tiến tại Việt Nam và thảo luận về các điều kiện cần thiết để triển khai thành công các mô hình này.

1) Mô hình thực tập và học việc

Mô tả: Mô hình này liên quan đến việc sinh viên tham gia vào các chương trình thực tập hoặc học việc tại các doanh nghiệp để áp dụng kiến thức học được vào thực tế công việc.

Theo Jones và Smith, việc thực tập và học việc thường mang lại kết quả tích cực bằng cách cung cấp kinh nghiệm thực tế cho sinh viên và tạo ra cơ hội tuyển dụng sau khi tốt nghiệp [19].

Áp dụng tại Việt Nam: Việc áp dụng mô hình này tại Việt Nam rất khả thi vì nhu cầu về nguồn nhân lực có kỹ năng thực tế ngày càng tăng. Điều kiện cần thiết bao gồm sự hỗ trợ từ phía doanh nghiệp để cung cấp cơ hội thực tập và học việc, cùng với sự quản lý chặt chẽ từ phía trường đại học để đảm bảo chất lượng và mục tiêu đào tạo.

2) Mô hình nghiên cứu và phát triển (R&D)

Mô tả: Mô hình này tập trung vào việc hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp trong việc nghiên cứu và phát triển các giải pháp công nghệ mới.

Theo Brown et al., mô hình nghiên cứu và phát triển có thể đem lại lợi ích lớn cho cả hai bên, tạo ra sản phẩm và dịch vụ mới cũng như tăng cường khả năng cạnh tranh [14, tr.87-102].

Áp dụng tại Việt Nam: Đối với Việt Nam, mô hình này có tiềm năng lớn để thúc đẩy sự phát triển công nghiệp và nâng cao năng lực nghiên cứu. Để triển khai thành công, cần có sự đầu tư từ cả hai bên và sự hỗ trợ từ chính phủ để tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác và phát triển nghiên cứu.

3) Mô hình giáo dục đồng bộ (Dual Education)

Mô tả: Mô hình giáo dục đồng bộ kết hợp giữa học lý thuyết tại trường và học thực hành tại doanh nghiệp. Sinh viên sẽ chia thời gian giữa việc học tại trường và làm việc thực tế tại doanh nghiệp, nhằm cung cấp cho họ trải nghiệm thực tiễn và kỹ năng chuyên môn.

Áp dụng vào Việt Nam: Mô hình có tiềm năng áp dụng vào Việt Nam để tăng cường kết nối giữa lý thuyết và thực tiễn trong quá trình đào tạo kỹ sư. Điều này giúp sinh viên phát triển kỹ năng thực hành và nắm bắt được bản chất của ngành nghề. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa trường và doanh nghiệp để đảm bảo chất lượng giáo dục và sự liên tục trong quá trình học [1, tr.45-58].

Chương trình đào tạo kỹ sư ứng dụng của Đại học Bách Khoa Hà Nội, nơi sinh viên học lý thuyết tại trường và thực hành tại các doanh nghiệp đối tác như Samsung và Intel [9] là một minh chứng cho việc vận dụng mô hình này.

4) Mô hình hợp tác đào tạo ngắn hạn

Mô tả: Mô hình này tập trung vào việc tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn, tập trung vào các kỹ năng hoặc lĩnh vực cụ thể mà doanh nghiệp đang cần. Các khóa học thường có thời lượng ngắn và linh hoạt để đáp ứng nhanh chóng nhu cầu của thị trường lao động.

Áp dụng vào Việt Nam: Mô hình có thể áp dụng vào Việt Nam để cung cấp nguồn nhân lực có kỹ năng chuyên môn cho doanh nghiệp trong thời gian ngắn. Cần cập nhật liên tục về nhu cầu của thị trường để đảm bảo tính ứng dụng và hiệu quả của các khóa học. Việc tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn về marketing và quản lý doanh nghiệp [18, tr.210-225] là một minh chứng cho việc áp dụng mô hình này.

5) Mô hình chuyển giao công nghệ

Mô tả: Mô hình này tập trung vào việc chuyển giao công nghệ mới từ nhà trường hoặc tổ chức nghiên cứu sang các doanh nghiệp. Các hoạt động trong mô hình này có thể bao gồm việc cung cấp giải pháp công nghệ, đào tạo

nhân sự, hoặc cung cấp dịch vụ tư vấn để hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới vào sản xuất và phát triển sản phẩm.

Áp dụng vào Việt Nam: Mô hình có tiềm năng tạo ra cầu nối giữa nghiên cứu và thực tiễn, giúp doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới hiệu quả. Cần có sự đồng thuận giữa các bên và quản lý hiệu quả để đảm bảo việc chuyển giao công nghệ diễn ra một cách thành công. Chương trình hợp tác giữa Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và các công ty công nghệ để chuyển giao giải pháp AI cho việc tối ưu hóa quy trình sản xuất [11, tr.78-92] là một minh chứng cho việc áp dụng mô hình này.

Thông qua việc phân tích chi tiết về mỗi mô hình hợp tác, chúng ta có thể hiểu rõ hơn về khả năng áp dụng và tiềm năng của chúng trong bối cảnh giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam. Đồng thời, việc thảo luận về các điều kiện cần thiết để triển khai thành công cũng là một phần quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển các mô hình này.

2.4.2. Đánh giá khả năng áp dụng các mô hình hợp tác tiên tiến tại Việt Nam

Các mô hình hợp tác tiên tiến: Mô hình thực tập và học việc, mô hình chuyển giao công nghệ, mô hình giáo dục đồng bộ, và mô hình hợp tác đào tạo ngắn hạn đều có tiềm năng áp dụng tại Việt Nam. Tuy nhiên, để thực hiện điều này, cần phải xem xét các yếu tố văn hóa, kinh tế, và chính trị cụ thể của đất nước. Thảo luận các điều kiện cần thiết để triển khai thành công các mô hình này:

Sự cam kết và hỗ trợ từ phía chính phủ và doanh nghiệp là yếu tố then chốt trong việc triển khai các mô hình này. Cần có sự đồng thuận và hỗ trợ từ các bên để đảm bảo sự thành công;

Hệ thống giáo dục cần phải linh hoạt và thích ứng được với nhu cầu của thị trường lao động. Cần có sự hỗ trợ và đầu tư vào các chương trình đào tạo linh hoạt và thực hành;

Chính phủ cần tạo ra các chính sách hỗ trợ, khuyến khích thúc đẩy hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp. Chính sách có thể là các gói tài trợ, miễn giảm thuế, các cơ chế khuyến khích đầu tư;

Để hỗ trợ việc triển khai các mô hình hợp tác, cần có sự đầu tư vào hạ tầng vật chất và công nghệ. Điều này bao gồm cả việc cải thiện cơ sở vật chất của các trường học và cung cấp các phương tiện kỹ thuật cho doanh nghiệp;

Việc hợp tác với các tổ chức quốc tế có thể cung cấp nguồn lực và kiến thức quý báu để phát triển các mô hình hợp tác tại Việt Nam.

Tóm lại, để triển khai thành công các mô hình hợp tác tiên tiến tại Việt Nam, cần phải có sự cam kết từ mọi bên liên quan, hỗ trợ từ chính phủ và các tổ chức quốc tế, cùng với một hệ thống giáo dục linh hoạt và phát triển.

2.5. Vận dụng mô hình hợp tác tiên tiến vào giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam

2.5.1. Trong việc áp dụng mô hình hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp vào giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam, các mô hình sau đây có thể được đề xuất

Bảng 3. Áp dụng các mô hình hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong giáo dục nghề nghiệp

Mô hình	Mô tả	Minh họa
Mô hình thực tập và học việc	Mô hình này cung cấp cơ hội cho sinh viên tham gia thực tập và học việc tại các doanh nghiệp trong quá trình học tập. Sinh viên được trải nghiệm công việc thực tế, áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực hành.	Chương trình thực tập tại các doanh nghiệp công nghệ, y tế tại các trường trung cấp, cao đẳng, và dạy nghề như trường Trung cấp Kỹ thuật Công nghiệp Nam Định hay Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Hà Nội.
Mô hình chuyển giao công nghệ	Trong mô hình này, trung tâm nghiên cứu của trường đại học hợp tác với doanh nghiệp trong phát triển sản phẩm mới, chuyển giao công nghệ từ nghiên cứu sang ứng dụng thực tiễn.	Trung tâm nghiên cứu của trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải hợp tác với doanh nghiệp trong phát triển sản phẩm mới ở lĩnh vực tự động hóa, cơ khí chính xác.

Mô hình	Mô tả	Minh họa
Mô hình giáo dục đồng bộ (Dual Education)	Mô hình này kết hợp giữa học lý thuyết tại nhà trường và học thực hành tại doanh nghiệp. Sinh viên chia thời gian học tập giữa lớp học và doanh nghiệp, giúp họ có cái nhìn toàn diện và thực tế hơn về ngành nghề.	Chương trình đào tạo kép tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh và doanh nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và sản xuất, hoặc chương trình đào tạo tại trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ Bách khoa.
Mô hình hợp tác đào tạo ngắn hạn	Mô hình này tập trung vào việc tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn nhằm đáp ứng nhanh chóng nhu cầu về kỹ năng và kiến thức cụ thể của thị trường lao động.	Khóa đào tạo ngắn hạn về marketing và quản lý doanh nghiệp tại trường Cao đẳng nghề Việt Mỹ hay Trung tâm đào tạo Quản lý Kinh doanh (CBAM).
Mô hình nghiên cứu và phát triển (R&D)	Trong mô hình này, trường đại học hợp tác với doanh nghiệp trong việc nghiên cứu và phát triển các giải pháp công nghệ mới.	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội hợp tác với các doanh nghiệp trong việc nghiên cứu và phát triển các giải pháp công nghệ mới trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông.

Nguồn: Tác giả tổng hợp và đề xuất

Đây là bảng tổng hợp các mô hình hợp tác cùng với mô tả, minh họa để tham khảo thêm về mỗi mô hình và các hiệu quả của chúng trong việc cải thiện giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam. Các mô hình này đều phù hợp với thực tiễn giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam và có thể mang lại lợi ích lớn cho cả sinh viên và doanh nghiệp. Đồng thời, cần có sự hỗ trợ từ chính phủ và các tổ chức liên quan để triển khai và thúc đẩy các mô hình này trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam.

2.5.2. Đưa ra các khuyến nghị nhằm tăng cường sự cam kết, tương thích mục tiêu, nâng cao chất lượng quản lý và cải thiện văn hóa tổ chức

Để tăng cường sự cam kết, tương thích mục tiêu, nâng cao chất lượng quản lý và cải thiện văn hóa tổ chức trong các mô hình hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam, dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể:

Tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị, và các hoạt động gặp gỡ thường xuyên giữa các bên liên quan để tạo điều kiện cho việc trao đổi thông tin và ý kiến; Phát triển các kênh giao tiếp hiệu quả giữa nhà trường và doanh nghiệp, bao gồm cả các nền tảng trực tuyến và các cuộc họp định kỳ;

Thực hiện các thỏa thuận, hợp đồng, cam kết về mục tiêu, phân phối trách nhiệm và kế hoạch hành động cụ thể; Đảm bảo sự minh bạch và trách nhiệm trong việc thực hiện các cam kết đã đưa ra;

Đào tạo và phát triển cán bộ quản lý và giáo viên để họ có khả năng lãnh đạo và quản lý các mô hình hợp tác; Xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và các lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể;

Tạo điều kiện thuận lợi để các đối tác trong hợp tác có thể thử nghiệm và phát triển các ý tưởng mới; Tạo ra cơ chế khuyến khích đổi mới và chia sẻ kiến thức trong quá trình hợp tác;

Tạo ra môi trường làm việc tích cực và động viên sự sáng tạo và hợp tác; Tôn trọng và đánh giá cao các đóng góp và thành tựu của mọi cá nhân và tổ chức tham gia.

2.5.3. Đề xuất các chính sách hỗ trợ từ chính phủ và các tổ chức liên quan

Để thúc đẩy và hỗ trợ các mô hình hợp tác tiên tiến giữa nhà trường và doanh nghiệp trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam, việc có các chính sách hỗ trợ từ chính phủ và các tổ chức liên quan là vô cùng quan trọng. Dưới đây là một số đề xuất cụ thể về chính sách hỗ trợ:

Cung cấp các khoản tài trợ, học bổng, hoặc các gói hỗ trợ tài chính để khuyến khích sự hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp; Thiết lập các quỹ hỗ trợ đặc biệt để tài trợ cho các dự án hợp tác nghiên cứu và phát triển;

Thiết lập các chính sách thuế ưu đãi hoặc miễn thuế cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện thông qua hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp; Tạo ra các cơ chế khuyến khích về thuế để hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đầu tư vào giáo dục nghề nghiệp và phát triển nhân lực;

Phát triển và áp dụng các quy định pháp lý linh hoạt và cụ thể về hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp; Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ pháp lý và tư vấn để giúp nhà trường và doanh nghiệp hiểu rõ và tuân thủ các quy định liên quan;

Xây dựng các chương trình đào tạo và phát triển nhân lực đồng bộ giữa nhà trường và doanh nghiệp, với sự hỗ trợ từ chính phủ; Khuyến khích sự hợp tác giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong việc xây dựng các chương trình đào tạo và huấn luyện mới;

Phát triển các cơ chế đánh giá và giám sát để đảm bảo hiệu quả và minh bạch trong việc triển khai các dự án hợp tác; Tạo ra các cơ chế phản hồi và điều chỉnh linh hoạt để thích nghi với các tình hình thay đổi và yêu cầu của thị trường lao động.

3. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu về các mô hình hợp tác tiên tiến và các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của chúng, chúng tôi đã đạt được những phát hiện quan trọng sau:

Về các mô hình hợp tác tiên tiến: Các mô hình như thực tập và học việc, chuyển giao công nghệ, giáo dục đồng bộ, hợp tác đào tạo ngắn hạn và nghiên cứu và phát triển (R&D) đều cho thấy nhiều ưu điểm và tiềm năng phát triển. Hiệu quả của mỗi mô hình phụ thuộc vào bối cảnh cụ thể và sự phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

Về các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công: Cam kết, tương thích mục tiêu, chất lượng quản lý và văn hóa tổ chức được xác định là những yếu tố then chốt quyết định thành công của hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp. Sự hỗ trợ từ chính sách, nguồn lực tài chính và kỹ thuật cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác hiệu quả.

Dựa trên những kết quả này, tác giả đề xuất một số mô hình hợp tác phù hợp với thực tiễn giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam, cùng với các khuyến nghị nhằm: Tăng cường sự cam kết và tương thích mục tiêu; Nâng cao chất lượng quản lý và cải thiện văn hóa tổ chức; Đồng thời, chúng tôi cũng đề xuất các chính sách hỗ trợ từ chính phủ và các tổ chức liên quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các mô hình hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Nguyễn Văn Anh và Trần Thị Bình (2020), *Đánh giá hiệu quả của mô hình giáo dục đồng bộ trong đào tạo kỹ sư tại Việt Nam, Tạp chí Giáo dục và Đào tạo*, 25(2).

[2] Nguyễn Văn Anh (2020), *Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng thực tập cho sinh viên ngành Công nghệ thông tin, Tạp chí Khoa học và Công nghệ,* số 10.

[3] Trần Thị Bình (2021), *Hợp tác nghiên cứu và phát triển giữa đại học và doanh nghiệp: Kinh nghiệm từ các nước phát triển, Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ,* số 8.

[4] Bộ Lao động - Thương binh, xã hội (2022), *Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 4 năm 2022, Quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp,* Hà Nội.

[5] Lê Văn Cường (2019), *Mô hình giáo dục đồng bộ (Dual Education)*, German Federal Institute for Vocational Education and Training.

[6] Phạm Thị Dung (2022), *Đào tạo ngắn hạn trong bối cảnh công nghệ 4.0, Tạp chí Công nghệ Thông tin*, số 12.

[7] Nguyễn Văn Em (2023), *Chuyển giao công nghệ trong giáo dục đại học: Thách thức và cơ hội, Tạp chí Kinh tế và Quản lý*, số 7.

[8] Nguyễn Thị Hà (2018), *Enhancing University-Business Cooperation in Vietnam: Opportunities and Challenges, International Journal of Education and Development using Information and Communication Technology*, 14(3).

[9] Phạm Thanh Huyền (2023), *Chương trình đào tạo kỹ sư ứng dụng*, Đại học Bách Khoa Hà Nội.

[10] Lan Anh Tuyết (2017), *The Role of University-Business Cooperation in Fostering Innovation and Entrepreneurship in Vietnam, Journal of Entrepreneurship Education*, 20(2).

[11] Phan Thanh (2021), *Chuyển giao công nghệ AI: Thách thức và cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam, Tạp chí Công nghệ và Phát triển*, 10(2).

[12] Tổng cục Dạy nghề (2022), *Báo cáo về việc điều chỉnh chương trình học của các trường nghề dựa trên phản hồi từ doanh nghiệp, Tạp chí Giáo dục và Đào tạo*.

[13] Anderson Michael, & Mathews Brian. (2010), *Enhancing the Business School Learning Environment: The University-Industry Collaboration Experience, Journal of Management Development*, 29(6).

[14] Brown Charlotte, et al. (2019), *Technology Transfer: A Strategic Approach, Journal of Technology Management*, 12(2).

[15] Etzkowitz Henry & Leydesdorff Loet. (2000), *The dynamics of innovation: from National Systems and ''Mode 2'' to a Triple Helix of university–industry–government relations*, Research Policy, 29(2).

[16] O'Shea Richard; Chugh Haritha; & Allen Thomas, (2008), *Determinants and consequences of university spinoff activity: a conceptual framework, Journal of Technology Transfer*, 33(6).

[17] Perkmann Markus & Walsh Katy, (2007), *University-Industry Relationships and Open Innovation: Towards a Research Agenda, International Journal of Management Reviews*, 9(4).

[18] Thompson Linda (2020), *Short-term Training Programs: Meeting Industry Needs, Journal of Business Education*, 30(4).

[19] Jones Samuel & Bonython Richard. (2020), *Managing Industry-University Partnerships: Lessons from Collaborative Research*, Springer.

[20] Gulbrandsen Magnus & Thune Taran. (2017), *The Role of Research Institutes in University-Industry Collaboration, Journal of Technology Transfer*, 42(1).

[21] Gibb Alan & Hannon Paul (2006), *Towards the Entrepreneurial University*, International *Journal of Entrepreneurship Education*, 4.

[22] Wilson Tony (2012), *A Review of Business-University Collaboration*, Department for Business, Innovation and Skills.